

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2024/DS-ST
Ngày: 13-05-2024.
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa.

2. Ông Nguyễn Hoa Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thành Khánh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 494/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Nam S, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ liên hệ: 107 Ô, khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: **ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

Địa chỉ liên hệ: **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh **Nguyễn Nam S** và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Huỳnh N** trình bày:

Ngày 10/7/2021, anh **S** có cho chị **T** mượn số tiền là 400.000.000 đồng, có làm biên nhận, biên nhận do chị **T** viết và ký tên vào biên nhận, lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng, trả lãi hàng tháng. Đến nay dù anh **S** đòi nợ nhiều lần nhưng chị **T** vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi tháng nào cho anh **S**. Nay anh **S** khởi kiện buộc chị **Nguyễn Thị Kim T** có nghĩa vụ trả cho anh **S** số tiền nợ là 400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 10/7/2021 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

* Bị đơn chị **T** trình bày: Chị **T** có vay của anh **S** số tiền là 400.000.000 đồng vào ngày 10/7/2021, vay có làm biên nhận, biên nhận do chị **T** viết và ký tên. Vay thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Trong quá trình vay chị **T** có trả lãi cho anh **S** nhiều lần với tổng số tiền là 173.000.000 đồng từ tháng 08/2021 tới tháng 11/2023, sau đó thì chị **T** ngưng trả lãi, trả lãi bằng tiền mặt và có khi chuyển khoản ngân hàng. Chị **T** đồng ý trả cho anh **S** số tiền còn nợ là 400.000.000 đồng và đồng ý trả lãi với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 10/7/2021 nhưng đề nghị được cản trừ khoản lãi đã trả cho anh **S**.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Huỳnh N** trình bày nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 400.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 10/7/2021 đến ngày 13/5/2024: $400.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 34 \text{ tháng} = 225.760.000 \text{ đồng}$. Ngoài ra không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm nội dung gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[1.2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện anh S và nơi cư trú của bị đơn. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và quan hệ pháp luật tranh chấp là "hợp đồng vay tài sản" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Về thời hạn, thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về số tiền nợ:

Căn cứ theo biên nhận mượn tiền và lời khai của bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T thừa nhận biên nhận do nguyên đơn cung cấp là do chị T viết, ký tên và thừa nhận chị T có nợ của anh S số tiền 400.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy anh S khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 400.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn khai việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 02

tháng, trả lãi hàng tháng, tuy nhiên từ lúc vay đến nay bị đơn chưa trả vốn và lãi cho nguyên đơn.

Bị đơn khai việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Bị đơn khai có trả lãi hàng tháng đến tháng 11/2023 thì ngưng, tổng số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 173.000.000 đồng, trả bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt. Trong quá trình tố tụng, bị đơn cung cấp sao kê tài khoản thể hiện đã chuyển khoản cho số tài khoản 150314849089611 mở tại Ngân hàng TMCP X số tiền 67.000.000 đồng, đối với việc trả lãi bằng tiền mặt bị đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Tại phiên tòa ngày 17/4/2024, bị đơn thừa nhận ngoài số tiền 400.000.000 đồng nợ nguyên đơn, bị đơn có mượn thêm của nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng, số tiền này bị đơn đã trả xong cho nguyên đơn. Đối với việc chứng minh ngoài số tiền 67.000.000 đồng đã trả cho nguyên đơn, bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã trả thêm cho nguyên đơn số tiền nào khác liên quan khoản nợ 400.000.000 đồng theo biên nhận 10/7/2021 và số tiền 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận số tài khoản 150314849089611 mở tại Ngân hàng TMCP X là của anh S, tuy nhiên số tiền chị T chuyển khoản cho anh S là để trả lãi và vốn của các khoản nợ khác, không liên quan khoản nợ 400.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 10/7/2021, các khoản nợ trước bị đơn đã trả xong hiện nay còn chỉ còn nợ lại số tiền 400.000.000 đồng. Do đó nguyên đơn không đồng ý cản trừ lãi theo đề nghị của bị đơn, yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 10/7/2021 đến ngày 13/5/2024: $400.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 34 \text{ tháng} = 225.760.000 \text{ đồng}$.

Đối với yêu cầu cản trừ lãi của bị đơn, phía bị đơn không làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, không đóng tạm ứng án phí và không cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh. Căn cứ các điều 357, 440, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền lãi 225.760.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị T phải chịu 29.030.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Nam S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 71; Điều 91; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 244; Điều 264; Điều 267; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Nam S.**

Buộc chị **Nguyễn Thị Kim T** có trách nhiệm trả cho anh **Nguyễn Nam S** số tiền vốn là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), tiền lãi là 225.760.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng). Tổng cộng số tiền vốn và lãi chị **Nguyễn Thị Kim T** có nghĩa vụ hoàn trả cho anh **Nguyễn Nam S** là 625.760.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị **Nguyễn Thị Kim T** phải chịu 29.030.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho anh **Nguyễn Nam S** 13.852.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007101 ngày 14/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Dung